TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 91/2021/DS-PT
Ngày: 23/4/2021.
V/v tranh chấp đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Dương Thúy Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Tuấn

Bà Đặng Thị Đồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19, 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2020/TLPT-DS ngày 22 tháng 02 năm 2021 về việc: "Tranh chấp đòi tài sản".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 03/2021/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2021, của Toà án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 85/2021/QĐ-PT ngày 26 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Ấp N, xã B, huyện D, tỉnh TN; có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Ấp N, xã B, huyện D, tỉnh TN; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Pham Văn N: Anh Dương Lê T, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Ấp N, xã B, huyện D, tỉnh TN; là người đại diện theo ủy quyền; văn bản ủy quyền ngày 10-02-2020; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Ngô Kim S, sinh năm 1955; nơi cư trú hiện nay: Ấp N, xã B, huyện D, tỉnh TN; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Văn N là bị đơn; bà Ngô Kim S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09-12-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Thửa đất 407, tờ bản đồ số 16; tọa lạc tại Ấp N, xã B, huyện D, tỉnh TN có nguồn gốc nhận chuyển nhượng bằng giấy tay của bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1935; ngụ tại Ấp N, xã B, huyện D, tỉnh TN vào năm 2011; đất này không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh quản lý nên khi cất nhà sinh sống tại đây chị có cam kết với Ban quản lý nghĩa trang Cực Lạc Thái Bình khi nào Đạo cần lấy lại thì chị trả.

Năm 2018, chị chuyển nhượng cho ông Phạm Văn N, có làm "Giấy bán đất" do chị viết, ký tên và lưu giữ; ông N không ký tên vào giấy bán đất; bán với giá 120.000.000 đồng; các bên đã thực hiện xong; ông N và bà S đến sinh sống tại đây từ năm 2018. Ngày 10-01-2019 ông N chuyển nhượng lại nhà, đất trên cho chị với giá 120.000.000 đồng và hẹn đến ngày 10-01-2021 sẽ giao nhà cho chị quản lý, sử dụng; nội dung này được ông N viết, ký tên xác nhận đã nhận của chị số tiền 120.000.000 đồng vào phía sau "Giấy bán đất" năm 2018. Sau đó giữa các bên xảy ra mâu thuẫn, ông N cho rằng không chuyển nhượng nhà, đất trên cho chị nên chị đã yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Bàu Năng, Huyện Dương Minh Châu giải quyết và khởi kiện đến Tòa án.

Nay chị không tranh chấp hợp đồng mua bán, đồng ý hủy bỏ giao dịch ngày 10-01-2019 với ông N, bà S. Chị yêu cầu ông N, bà S hoàn trả lại cho chị số tiền 120.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu bồi thường.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Phạm Văn N là anh Dương Lê T trình bày:

Ông N và bà Ngô Kim S sinh sống tại nhà đất thửa 407, tờ bản đồ 16; tọa lạc tại Ấp N, xã B, huyện D, tỉnh TN từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay; có từ việc ông N nhận chuyển nhượng của chị Nguyễn Thị Ngọc D với giá 120.000.000 đồng như chị D trình bày. Tại thời điểm này chị D, ông N đều biết thửa đất thuộc Nghĩa trang Cực Lạc Thái Bình do Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh quản lý. Đất này không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cho đến nay cũng không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên nếu Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh yêu cầu trả lại đất thì ông N, bà S đồng ý trả cho Đạo, không trả cho chị D.

Chị D trình bày ông N chuyển nhượng lại nhà, đất cho chị D là không có thật. Ông N xác định mình không chuyển nhượng nhà, đất cho chị D và không ký vào văn bản nào; cũng như không có nhận số tiền 120.000.000 đồng của chị D. Do đó, ông N không đồng ý với yêu cầu của chị D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Kim S trình bày:

Bà và ông N là vợ chồng, đang chung sống với nhau tại thửa đất 407, tờ bản đồ số 16; tọa lạc tại Ấp N, xã B, huyện D, tỉnh TN như lời trình bày của ông N. Bà thống nhất với ý kiến của ông N, trong trường hợp Tòa án tuyên nghĩa vụ đối với ông N thì bà đồng ý có trách nhiệm liên đới cùng ông N.

Kết luận giám định số 1062/KL-KTHS ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh:

Xác định chữ viết, chữ ký được đóng khung bằng mực màu đỏ trên "Giấy bán đất" (tài liệu do chị D cung cấp) đóng dấu bút lục số 66, số 67 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh là do ông Phạm Văn N viết, ký ra.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 03/2021/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2021, của Toà án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 166, 427 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 161, 162 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc D về tranh chấp "Đòi tài sản" đối với ông Phạm Văn N, bà Ngô Kim S.

Ông Phạm Văn N và bà Ngô Kim S có trách nhiệm liên đới hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc D số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng.

Ghi nhận chị D không yêu cầu tính lãi và bồi thường thiệt hại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, ông Phạm Văn N là bị đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do bỏ qua người liên quan là ông Phan Hồng Â và chị D chỉ yêu cầu ông trả lại số tiền 120.000.000 đồng, do giấy tay mua bán vô hiệu nhưng bản án sơ thẩm lại buộc bà S có nghĩa vụ liên đới trả cho chị D số tiền 120.000.000 đồng là vượt quá yêu cầu khởi kiện.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, bà Ngô Kim S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do bản án sơ thẩm buộc bà có nghĩa vụ liên đới trả cho chị D số tiền 120.000.000 đồng là vượt quá yêu cầu khởi kiện, vì bà với ông N không phải là vợ chồng, việc ông N và chị D có ký bán đất hay không bà không biết.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của ông Phạm Văn N là anh Dương Lê T thay đổi yêu cầu kháng cáo: Không yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, không yêu cầu đưa ông Phan Hồng Â vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét số tiền 120.000.000 đồng

và trách nhiệm liên đới giữa ông N với bà S vì ông N không chuyển nhượng nhà đất cho chị D.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Kim S thống nhất ý kiến của anh Dương Lê T, không bổ sung gì thêm.

Nguyên đơn chị D trình bày: Khi khởi kiện chị chỉ yêu cầu ông Phạm Văn N có trách nhiệm trả lại cho chị số tiền 120.000.000 đồng, do bà S tự nguyện chịu trách nhiệm liên đới với ông N trả tiền cho chị nên chị mới yêu cầu bà S liên đới cùng với ông N trả tiền cho chị. Khi chị nhận chuyển nhượng nhà đất của ông N thì chỉ có chị với ông N giao dịch với nhau không có mặt bà S, chị cũng không biết bà S có sử dụng số tiền giao cho ông N hay không. Do bà S tự nguyện chịu trách nhiệm liên đới với ông N trả tiền cho chị nên chị vẫn giữ yêu cầu bà S liên đới trả tiền cho chị.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nghĩa vụ liên đới của bà S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Phạm Văn N là anh Dương Lê T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Kim S thay đổi yêu cầu kháng cáo, chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét số tiền 120.000.000 đồng và trách nhiệm liên đới giữa ông N với bà S vì ông N không chuyển nhượng nhà đất cho chị D, không yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, không yêu cầu đưa ông Phan Hồng Â vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Xét yêu cầu thay đổi nội dung kháng cáo của ông N, bà S không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, căn cứ khoản 2 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu kháng cáo ông N, bà S theo yêu cầu kháng cáo đã thay đổi trên.

[2] Xét kháng cáo của ông Phạm Văn N, bà Ngô Kim S về số tiền 120.000.000 đồng thấy rằng:

[2.1] Ông N, bà S hiện đang sinh sống tại căn nhà cất trên thửa đất 407, tờ bản đồ số 16; tọa lạc tại Ấp N, xã B, huyện D, tỉnh TN từ giao dịch nhận chuyển nhượng của chị D năm 2018; đã được các đương sự thống nhất thừa nhận; đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tình tiết, sự kiện này được ghi nhận tại trang 1 (bút lục số 67) của "Giấy bán đất".

[2.2] Nội dung tiếp theo tại trang 2 (bút lục số 67) của "Giấy bán đất" thể hiện: *Phạm Văn N để đất lại cho em Diễm, để lại số tiền là 120.000.000 đồng, Diễm cho anh Nô ở tạm 02 năm 2019, 2021*. Tiếp đến trang 3 (bút lục số 66) của "Giấy bán đất" thể hiện: *Đến ngày 10-01-2021 là đủ 2 năm rồi anh đi trả đất lại cho em Diễm, anh 5 nhận tiền đủ 120.000.000 đồng*. Từ các nội dung trên xác định: Ngày 10-01-2019 ông N chuyển nhượng lại nhà, đất cho chị D và đã nhận số tiền 120.000.000 đồng, thỏa thuận ở tạm đến ngày 10-01-2021 giao tài sản đã chuyển nhượng cho chị D; các nội dung này được lặp lại nhiều lần và đều được ông N ký tên xác nhận, ghi họ tên 03 lần trên "Giấy bán đất". Như vậy, có cơ sở khẳng định giao dịch mua bán ngày 10-01-2019 giữa chị D với ông N là có thật.

[2.3] Ông N, bà S không thừa nhận tài liệu "Giấy bán đất", không thừa nhận chuyển nhượng nhà, đất và nhận số tiền 120.000.000 đồng của chị D, phản đối yêu cầu của chị D nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự; nên Hội đồng xét xử không chấp nhận lời nại này của đương sự và Tòa án giải quyết vụ án theo chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.4] Như vậy, từ những phân tích nêu trên xác định văn bản "Giấy bán đất" là có thật; đã tồn tại từ năm 2018 đến ngày 10-01-2019 được bổ sung thêm thỏa thuận: Ông N chuyển nhượng lại nhà đất cho chị D và đã nhận số tiền 120.000.000 đồng từ chị D, phù hợp với Kết luận giám định số 1062/KL-KTHS ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh. Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông N và bà S.

[3] Xét kháng cáo của ông Phạm Văn N, bà Ngô Kim S về việc không đồng ý bà Ngô Kim S liên đới với ông N trả số tiền 120.000.000 đồng cho chị D thấy rằng:

Tại Biên bản hòa giải ngày 23-11-2020 bà S trình bày "*bà và ông N là vợ chồng chung sống với nhau, hiện tại bà đang ở trên nhà và đất tranh chấp, bà không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn, nếu trả lại thì bà và ông N có trách nhiệm trả lại cho Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh. Bà cũng không đồng ý trả lại tiền theo yêu cầu của nguyên. Trường hợp Tòa án tuyên nghĩa vụ gì đối với ông N thì bà đồng ý có trách nhiệm liên đới cùng ông N*", ý chí của bà S thể hiện không rõ ràng, mâu thuẫn lẫn nhau, ngoài biên bản này thì không còn văn bản nào thể hiện ý chí của bà S đồng ý liên đới trả số tiền 120.000.000 đồng cho chị D, mặc khác tại phiên tòa nguyên đơn chị D trình bày: Khi khởi kiện chị chỉ yêu cầu ông Phạm Văn N có trách nhiệm trả cho chị số tiền 120.000.000 đồng, tiền nhận chuyển nhượng nhà đất nói trên, do bà S tự nguyện chịu trách nhiệm liên đới cùng ông N trả tiền cho chị nên chị mới yêu cầu bà S liên đới cùng với ông N trả tiền và khi chị nhận chuyển nhượng nhà đất của ông N thì chỉ có chị với ông N giao dịch với nhau không có mặt bà S, do bà S thường xuyên đi về tại địa chỉ nói trên, chị cũng không biết bà S có sử dụng số tiền giao cho ông N hay không, từ đó cho thấy bà S không biết việc chuyển nhượng nhà đất giữa ông N và chị D, không nhận tiền của chị D và cũng không có căn cứ chứng minh bà S

có sử dụng số tiền 120.000.000 đồng cùng với ông N nên không có cơ sở buộc bà S có trách nhiệm liên đới cùng ông N trả số tiền 120.000.000 đồng cho chị D, kháng cáo của ông N, bà S có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định trên.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận 01 phần kháng cáo của ông N, bà S.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông N, bà S không phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo có 01 phần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Chấp nhận 01 phần kháng cáo của ông Phạm Văn N, bà Ngô Kim S;

- Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 03/2021/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2021, của Toà án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

2. Căn cứ vào các Điều 166, 427 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 161, 162 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc D về "Tranh chấp đòi tài sản" đối với ông Phạm Văn N.

Buộc ông Phạm Văn N có trách nhiệm trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc D số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng.

Ghi nhận chị D không yêu cầu tính lãi và bồi thường thiệt hại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chi phí tố tụng: Ông Phạm Văn N có trách nhiệm hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc D số tiền 2.040.000 (hai triệu không trăm bốn mươi ngàn) đồng chi phí giám định.

Án phí: Ông Phạm Văn N phải chịu 6.000.000 (sáu triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Ngọc D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc D số tiền tạm ứng án phí là 5.000.0000 (năm triệu) đồng tại Biên lai thu số 0004088 ngày 07 tháng 01 năm 2020.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả cho ông Phạm Văn N 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, theo Biên lai thu số: 0005493 ngày 25-01-2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND H. Dương Minh Châu;
- CCTHADS H. Dương Minh Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Thúy Hằng